

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ CÁCH TÍNH DỰ TRỮ BẮT BUỘC ĐỐI VỚI TIỀN GỬI LÀ NGOẠI TỆ

ĐẶNG VĂN THẢO Thanh tra NHNN Trung ương

Để điều tiết lượng tiền cung ứng, Ngân hàng Trung ương thường sử dụng một số công cụ trong đó có tỷ lệ dự trữ bắt buộc. Công cụ này được dùng xuất phát từ việc ứng dụng lý thuyết các ngân hàng thương mại "tạo" ra tiền (bút tệ) đã được nhiều tác giả đề cập tới. Trong bài viết này, chúng tôi muốn nêu suy nghĩ về việc sử dụng công cụ tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi là ngoại tệ.

Theo lý thuyết về bút tệ, ngân hàng thương mại (NHTM) có thể tạo ra một số lượng tiền lớn hơn nhiều lần so với số tiền gửi ban đầu mà họ nhận được bằng cách: từ số tiền gửi ban đầu, sau khi gửi dự trữ bắt buộc vào NHNN, NHTM có thể cho khách hàng vay số còn lại, khách hàng vay trả cho người thụ hưởng. Đến lượt người này lại gửi vào NHTM. Quá trình đó cứ lặp đi lặp lại và kết quả là các NHTM đã "tạo" ra tiền. Hiện tượng này xảy ra trong quá trình hoạt động của các NHTM đã hoàn toàn có cơ sở mặc dù không thể chứng minh một cách chính xác bằng số liệu thống kê. Tuy nhiên đối với ngoại tệ, là tiền nằm ngoài biên giới ở một quốc gia, nghiệp vụ bút tệ có sự vận động khác với đồng bản tệ.

Nguồn vốn tiền gửi ngoại tệ mà các NHTM có được là các nguồn thu về xuất khẩu, dịch vụ đối ngoại... và chỉ có giá trị khi gửi vào ngân hàng nước ngoài (ngoài lãnh thổ). Từ tài khoản này mới có thể sử dụng để nhập khẩu, thanh toán hàng hóa dịch vụ hoặc chi tiêu bất kỳ nhu cầu nào và bất cứ nước nào.

Giả định một NHTM VN cho khách hàng VN là A vay một lượng ngoại tệ (trên cơ sở đã có nguồn vốn tiền gửi ngoại tệ). Đương nhiên khách hàng A không thể chi trả số ngoại tệ đó cho bất cứ một đơn vị nào trong nước, bởi vì không một chính phủ nào cho phép trên phạm vi lãnh thổ nước mình cùng một lúc lưu thông nhiều loại tiền (ngay ở nước ta, với mục đích trên lãnh thổ VN chỉ sử dụng tiền VN, vừa qua Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định 396/TTg ngày 4.8.1994). Số ngoại tệ đó chỉ có thể chi trả cho khách hàng nước ngoài và khách hàng này nếu gửi cũng chỉ gửi vào ngân hàng hoạt động trong nước họ mà thôi (ngân hàng này có thể là ngân hàng của chính nước đó hoặc có thể là ngân hàng Việt Nam hay nước khác có chi nhánh tại đó). Và thông qua nghiệp vụ thanh toán quốc tế (tài khoản LORO, NOSTRO), ngân hàng nước ngoài sẽ gửi số tiền đó vào tài khoản của họ mở tại ngân hàng Việt Nam.

Nghĩa là NHTM Việt Nam có thể sẽ nhận lại được số ngoại tệ đã cho vay kia dưới dạng một khoản tiền gửi theo một trong hai hình thức:

1. Tiền gửi ngoại tệ của khách hàng nước ngoài gửi vào một chi nhánh của ngân hàng Việt Nam mở tại nước đó.

2. Tiền gửi ngoại tệ của tổ chức tín dụng nước ngoài: Nếu khách hàng nước ngoài vào ngân hàng hoạt động trên đất nước họ (không phải chi nhánh của ngân hàng Việt Nam).

Qua đó cho thấy nghiệp vụ "tạo" ra tiền là ngoại tệ của các NHTM hoạt động trên lãnh thổ VN nếu phát sinh cũng giới hạn trong các trường hợp (1) hoặc (2) nói trên. Vì vậy phải chăng khi tính dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ cho một NHTM, NHNN chỉ nên tính trên số dư tiền gửi ngoại tệ của khách hàng nếu NHTM đó có chi nhánh ở nước ngoài và tiền gửi ngoại tệ của khách hàng phải là của khách hàng nước nơi mà NHTM mở chi nhánh. Hoặc

chỉ tính trên số dư tiền gửi ngoại tệ của tổ chức tín dụng nước ngoài nếu NHTM đó không có chi nhánh tại nước ngoài (*).

NHNN sử dụng công cụ tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhằm khống chế nghiệp vụ "tạo" tiền của NHTM để từ đó đạt được mục đích điều tiết khối lượng tiền cung ứng. Nhưng điều đó cũng làm cho NHTM bị đọng một lượng lớn vốn dưới hình thức tiền gửi dự trữ bắt buộc tại NHNN mà không thể đem ra cho vay được.

Theo cách tính dự trữ bắt buộc cho các NHTM hiện nay, hàng tháng NHNN lấy số dư tiền gửi bình quân (có phân loại ra tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn) của khách hàng tháng trước đem nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc quy định cho từng loại tiền gửi để làm mức dự trữ bắt buộc cho tháng hiện hành. Cách tính này cũng được áp dụng cho cả ngoại tệ. Như vậy số dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ mà các NHTM phải thực hiện được tính trên cả tiền gửi bằng ngoại tệ của khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài (nếu có), trong khi tỷ tiền bằng ngoại tệ của TCTD nước ngoài không được tính. Điều đó cũng có nghĩa là trong cách tính này đã bao gồm cả những yếu tố không tạo ra bút tệ (tiền gửi khách hàng trong nước), bên cạnh đó lại bỏ sót yếu tố có thể tạo ra bút tệ (tiền gửi TCTD nước ngoài).

Ở nước ta hiện nay các TCTD hầu như chưa có chi nhánh ở nước ngoài. Vì thế với cách tính dự trữ bắt buộc như đã nêu làm cho các TCTD bị giam giữ một khoản vốn ngoại tệ không nhỏ mà lẽ ra họ có thể sử dụng số vốn để đầu tư phát triển kinh tế trong nước. Để thấy rõ vấn đề này chúng ta hãy xem xét việc thực hiện dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ của các TCTD hoạt động ở nước ta trong biểu sau (số liệu ước tính của tháng 12.1994 quy đổi ra VNĐ).

Đơn vị: tỷ VNĐ

Cách tính	Số tiền
1. Số tiền các TCTD đã thực hiện dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ theo phương pháp tính hiện hành.	965,5 để chuyển đổi sang VNĐ
2. Số tiền các TCTD sẽ phải thực hiện nếu tính theo phương pháp (*) (chỉ tính trên tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ bằng ngoại tệ của TCTD nước ngoài)	37,5
3. Chênh lệch giữa (1) và (2)	928,0

Thực tế các TCTD ở nước ta mới chỉ thực hiện dự trữ bắt buộc được 60% số phải dự trữ theo quy định của NHNN. Nếu thực hiện đủ thì số dự trữ bắt buộc sẽ xấp xỉ khoảng 1.609 tỷ đồng và số chênh lệch giữa cách tính (1) và (2) sẽ vào khoảng 1.571,5 tỷ đồng.

Nếu tính theo cách (2) thì hàng tháng các TCTD đang hoạt động ở nước ta sẽ có thêm cả ngàn tỷ đồng để có thể đầu tư cho nền kinh tế. Điều này có ý nghĩa đặc biệt trong hoàn cảnh nước ta hiện đang rất thiếu vốn nhất là vốn ngoại tệ.

Từ những phân tích trên đây xin đề xuất: NHNN khi tính dự trữ bắt buộc ngoại tệ hàng tháng cho các TCTD nên chăng chỉ tính trên số dư tiền gửi ngoại tệ không kỳ hạn (tài khoản 2441), tiền gửi có kỳ hạn (tài khoản 2442) của TCTD nước ngoài ■